| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 02-7-2019.
*V/v tranh chấp ly hôn.*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phan Ngọc Tấn.

Ông Nguyễn Văn Phú.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, tạm trú: phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp B, xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Bà Lê Thị Kim C là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Bà C và ông S kết hôn với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B vào năm 2005. Bà C và ông S chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh bạc, đánh đập vợ con. Bà C đã nhiều lần khuyên nhưng ông S vẫn không thay đổi. Bà C và ông S không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà C quyết định ly hôn với ông Huỳnh Thanh S.

Về con chung: Bà C và ông Huỳnh Thanh S có 02 con chung tên Huỳnh Hải L, sinh ngày 12/01/2001 và Huỳnh Hải Q, sinh ngày 18/9/2008, hiện nay con chung tên Huỳnh Hải L đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Toà án giải quyết, con chung tên Huỳnh Hải Q hiện nay do bà C nuôi dưỡng. Nếu được ly hôn, bà C yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Hải Q, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con tên Huỳnh Hải Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Thanh S kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2005. Nay bà Lê Thị Kim C yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh S, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Huỳnh Thanh S vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Thanh S.

[3] Bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Thanh S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông Huỳnh Thanh S không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Thanh S không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim C, cho bà Lê Thị Kim C ly hôn với ông Huỳnh Thanh S.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Thanh S có 02 con chung tên Huỳnh Hải L, sinh ngày 12/01/2001 và Huỳnh Hải Q, sinh ngày 18/9/2008, hiện nay con chung tên Huỳnh Hải L đã trưởng thành, bà C không yêu cầu Toà án giải quyết, con chung tên Huỳnh Hải Q hiện nay do bà C nuôi dưỡng. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Hải Q. Yêu cầu của bà C về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Hải Q, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cho bà C trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Hải Q.

[5] Bà Lê Thị Kim C yêu cầu ông Huỳnh Thanh S cấp dưỡng nuôi con tên Huỳnh Hải Q định kỳ mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, ông Huỳnh Thanh S không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lê Thị Kim C là có phần phù hợp với C phí thực tế để nuôi con, nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Kim C, buộc ông Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu tên Huỳnh Hải Q định kỳ mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu tên Huỳnh Hải Q đủ 18 tuổi.

[6] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bà Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Huỳnh Thanh S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, theo quy định tại các khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim C, cho bà Lê Thị Kim C ly hôn với ông Huỳnh Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Thanh S có 02 con chung tên Huỳnh Hải L, sinh ngày 12/01/2001 và Huỳnh Hải Q, sinh ngày 18/9/2008, hiện nay con chung tên Huỳnh Hải L đã trưởng thành, con chung tên Huỳnh Hải Q hiện nay do bà Lê Thị Kim C nuôi dưỡng. Giao cho bà Lê Thị Kim C trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Hải Q, buộc ông Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu tên Huỳnh Hải Q định kỳ mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu tên Huỳnh Hải Q đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Thanh S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự

được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim C đã nộp theo biên lai thu số 0001137, ngày 15 tháng 02 năm 2019 của C cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Huỳnh Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Bà Lê Thị Kim C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Thanh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- C cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng